



xiǎo xué xiào

小学校

noun · small school; elementary school (colloquial)

Example Sentences

zhè suǒ xiǎo xué xiào zhǐ yǒu sān gè bān

这所小学校只有三个班。

This small school has only three classes.

tā zài yì suǒ xiāng cūn xiǎo xué xiào jiào shū

他在一所乡村小学校教书。

He teaches at a rural small school.

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
校	校	校	校	校	校	校	校	校	校	校	校
校	校										